

Bản án số: 445/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thuận Quang

2. Bà Lê Ngọc Như Chi

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Toà án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 713/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Phương B, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 41/1 HLK, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Bà và ông Lê Văn Phương B tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 8 năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2017 cấp ngày 0C/8/2017. Sau khi cưới, bà N và ông B chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại nhà chồng. Tuy nhiên trong thời gian này ông B thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Bà N không đồng ý việc này nên đến

tháng 12/2017, bà N đề nghị vợ chồng chuyển về sống cùng gia đình bà ở Cà Mau để tạo môi trường tốt cho vợ chồng sinh sống và làm việc thì ông B đã đồng ý. Tuy nhiên sau khi chuyển về Cà Mau sinh sống, ông B vẫn không chăm lo làm việc phát triển kinh tế mà thường xuyên về Thành phố Hồ Chí Minh để gặp gỡ bạn bè cũ. Bà N nhiều lần khuyên nhủ ông B thay đổi tính tình nhưng vẫn không có kết quả. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, hơn nữa còn thường xuyên gây cãi làm cho tình cảm ngày càng phai nhạt. Mặc dù hai bên đã tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông B đã chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ tháng 10/2018 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với ông Lê Văn Phương B, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn Phương B đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 50/QĐ-TA của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian 20 tháng, kể từ ngày 12/11/2018. Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, ông B trình bày thống nhất với bà N về thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn và ly thân. Ngoài ra, ông B trình bày trong quá trình chung sống, bà N có đề nghị vợ chồng chuyển về gia đình nhà vợ để sinh sống và bản thân ông cũng muốn thay đổi môi trường để làm ăn phát triển kinh tế nên đã đồng ý. Sau khi chuyển về Cà Mau sinh sống thì ông B nhận thấy bản thân không phù hợp với môi trường sống ở tỉnh do từ nhỏ ông đã sinh ra và lớn lên ở Thành phố Hồ Chí Minh nên thường xuyên đi về Thành phố Hồ Chí Minh để thăm mẹ ruột, bà N không đồng ý việc này nên từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên gây cãi nhau. Tuy nhiên, ông B xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Mỹ N và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn Lê Văn Phương B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị

Mỹ N và ông Lê Văn Phương B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông B. Về con chung: Bà N và ông B xác nhận không có con chung với nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với bị đơn ông Lê Văn Phương B có hộ khẩu thường trú tại Quận F nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Bị đơn ông Lê Văn Phương B vắng mặt tại phiên tòa, xét ngày 21/5/2019 ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Phương B.

[4]. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B phát sinh quan hệ hôn nhân từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12 năm 2017 do ông B thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, không chăm lo làm việc phát triển kinh tế gia đình, mặc dù bà N đã nhiều lần khuyên nhủ ông B thay đổi tính tình nhưng vẫn không có kết quả. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ tháng 10 năm 2018, vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt và thường xuyên gây cãi nhau, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn ông Lê Văn Phương B trình bày thống nhất với bà N về thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn và ly thân. Ông B nhận thấy vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xuyên gây cãi nhau và xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị Mỹ N nên đồng ý ly hôn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà N, ông

B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về nhiều mặt, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[6]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B xác nhận không có con chung với nhau.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 189 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N đối với ông Lê Văn Phương B.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B xác nhận không có.

C. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ N nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010407 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau cấp ngày 03/8/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và ông Lê Văn Phương B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Bà Nguyễn Thị Mỹ N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn Phương B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- CCTHADS Quận F;
- Ủy ban nhân dân thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN**

